

Số: 27 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
năm 2020, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2021**

Phần I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, tập huấn

Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Báo Kiên Giang, Báo Nông nghiệp Việt Nam và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đưa tin tuyên truyền chuyên mục xây dựng nông thôn mới hàng tuần, hàng tháng; phối hợp với Công ty Pro Phương Nam tổ chức 23 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng tham gia công tác xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, huyện, xã, ấp với khoảng trên 1.265 lượt người tham dự. Trong năm 2020, đã xây dựng lắp đặt 238 bảng pano tuyên truyền (vốn năm 2019 chuyển sang 2020) trên địa bàn 8 huyện, thành phố: Giang Thành, Kiên Lương, An Biên, Gò Quao, Giồng Riềng, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Phú Quốc. Hoàn chỉnh các thủ tục đấu thầu và bàn giao vị trí công trình xây dựng lắp đặt 81 bảng pano tuyên truyền (vốn năm 2020) tại 4 huyện: Hòn Đất, Kiên Hải, An Minh, An Biên; xây dựng 27 cổng chào trên địa bàn 05 huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận và U Minh Thượng. Trong đó, có 03 cổng chào thực hiện cho xã Hòa Chánh huyện U Minh Thượng tuyên truyền xây dựng nông thôn mới kết hợp Tết Quân - Dân năm 2021; triển khai thực hiện mô hình “Tuyến đường hoa trong xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn 113 xã thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (trừ huyện Kiên Hải).

Các cơ quan ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể đã phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân nhất là trong công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo vệ an ninh tổ quốc, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Qua đó đã làm chuyển biến tích cực trong cách làm của cán bộ, đảng viên, hội viên và quần chúng Nhân dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Tuy nhiên, trong công tác tuyên truyền, tuy có đổi mới nội dung, hình thức ngày càng đa dạng, phong phú hơn nhưng công tác tuyên truyền, vận động ở một số lĩnh vực, địa phương còn chưa có chiều sâu, chưa rộng khắp dẫn đến cách tiếp cận chương trình của một bộ phận người dân còn hạn chế.

2. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Tổ chức đoàn kiểm tra, hướng dẫn đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới tại các huyện: Vĩnh Thuận, Giồng Riềng, Gò Quao, Kiên Lương và thành phố Hà Tiên.

Tổ chức đoàn thẩm tra mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện Giồng Riềng, Gò Quao đề nghị Trung ương thẩm định, công nhận.

Tổ chức đoàn thẩm định 06 xã: Bãi Dương, Cửa Dương (Phú Quốc); Hoà Chánh (U Minh Thượng); Linh Huỳnh (Hòn Đất); Vân Khánh Đông, Thuận Hoà (An Minh) đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

Trong năm đã ban hành và triển khai thực hiện một số văn bản như sau:

- Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định và xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Kiên Giang năm 2020;

- Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc thay đổi Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định và xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Kiên Giang năm 2020;

- Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định và xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Kiên Giang năm giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020 (vốn sự nghiệp);

- Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025”;

- Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện Đề án “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm” năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh”;

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 3010/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập đoàn thẩm tra mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020; Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

4. Kết quả huy động và sử dụng nguồn lực

Năm 2020 đã phân bổ các nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cụ thể như:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương là 291.590 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 236.390 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 55.200 triệu đồng.

- Nguồn vốn đối ứng, lồng ghép của tỉnh là 440.749 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 357.949 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 82.800 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

1.1. Tiêu chí Quy hoạch

Có 117/117 xã đã hoàn thành, đạt 100%.

1.2. Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tiêu chí Giao thông: Có 111/117 xã đã hoàn thành, đạt 94% (tăng 5%, năm 2019 có 105 xã đạt, chiếm 90%).

- Tiêu chí Thủy lợi: Có 115/117 xã đã hoàn thành, đạt 98% (tăng 1%, năm 2019 có 113 xã đạt, chiếm 97%).

- Tiêu chí Điện: Có 111/117 xã đã hoàn thành, đạt 95% (tăng 1%, năm 2019 có 110 xã đạt, chiếm 94%).

- Tiêu chí Trường học: Có 99/117 xã đã hoàn thành, đạt 85% (tăng 2%, năm 2019 có 92 xã đạt, chiếm 79%).

- Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa: Có 99/117 xã đã hoàn thành, đạt 85% (tăng 10%, năm 2019 có 88 xã đạt, chiếm 75%).

- Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Có 114/117 xã đã hoàn thành, đạt 97% (tăng 2%, năm 2019 có 111 xã đạt, chiếm 95%).

- Tiêu chí Thông tin và Truyền thông: Có 115/117 xã đã hoàn thành, đạt 98%.

- Tiêu chí Nhà ở dân cư: Có 111/117 xã đã hoàn thành, đạt 95% (tăng 10%, năm 2019 có 100 xã đạt, chiếm 85%).

1.3. Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất

- Tiêu chí thu nhập: Có 112/117 xã đã hoàn thành, đạt 96% (tăng 5%, năm 2019 có 107 xã đạt, chiếm 91%).

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: Có 102/117 xã đã hoàn thành, đạt 87%, (tăng 11%, năm 2019 có 89 xã đạt, chiếm 76%).

- Tiêu chí Lao động có việc làm: Có 117/117 xã đã hoàn thành, đạt 100%.

- Tiêu chí tổ chức sản xuất: Có 110/117 xã đã hoàn thành, đạt 94% (tăng 4%, năm 2019 có 105 xã đạt, chiếm 90%).

1.4. Nhóm tiêu chí Văn hóa - Xã hội - Môi trường

- Tiêu chí Giáo dục: Có 117/117 xã đã hoàn thành, đạt 100%

- Tiêu chí Y tế: Có 106/117 xã đã hoàn thành, đạt 91% (tăng 2%, năm 2019 có 104 xã đạt, chiếm 89%).

- Tiêu chí Văn hóa: Có 113/117 xã đã hoàn thành, đạt 97,5% (tăng 1%, năm 2019 có 113 xã đạt, chiếm 96,5%).

- Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 91/117 xã đã hoàn thành, đạt 78% (tăng 10%, năm 2019 có 79 xã đạt, chiếm 68%).

1.5 Nhóm tiêu chí Hệ thống chính trị

- Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Có 106/117 xã đã hoàn thành, đạt 91% (tăng 4%, năm 2019 có 102 xã đạt, chiếm 87%).

- Tiêu chí Quốc phòng và An ninh: Có 109/117 xã đã hoàn thành, đạt 93% (tăng 4%, năm 2019 có 104 xã đạt, chiếm 89%).

2. Mức độ đạt chuẩn nông thôn mới

2.1. Kết quả đạt chuẩn xã nông thôn mới

Theo chỉ tiêu Trung ương giao, tỉnh Kiên Giang đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 59 xã (50%), ít nhất 02 huyện (ngoài huyện Tân Hiệp) đạt chuẩn nông thôn mới, có ít nhất 1-2 xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, tiêu chí bình quân đạt 16,6 tiêu chí/xã.

Trong năm 2020 có thêm 15/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 100% kế hoạch năm 2020), lũy kế cuối năm 2020 có 79/117 xã đạt chuẩn, chiếm 67,5%,

các xã còn lại đạt từ 10 tiêu chí trở lên. Toàn tỉnh bình quân đạt 17,7 tiêu chí/xã. (ngoài ra, tháng 01 năm 2021 công nhận thêm 02 xã Cửa Dương và Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc).

Như vậy lũy kế đến tháng 01 năm 2021 có 81 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đến tháng 12 năm 2020: 79/117 xã; tháng 01 năm 2021 có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế có 81/116 đạt chuẩn nông thôn mới).

Kết quả năm 2020 về 19 tiêu chí trong 117 xã, cụ thể như sau:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 79 xã, chiếm 67,5 %.
- Số xã đạt 15 tiêu chí trở lên: 22 xã, chiếm 18,8 %.
- Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 16 xã, chiếm 13,7 %.
- Đạt 6-9 tiêu chí: Không có.

Đến nay các huyện, thành phố cơ bản đạt từ 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới trở lên như: Tân Hiệp (10/10), Vĩnh Thuận (7/7), Giồng Riềng (18/18), Gò Quao (10/10), Kiên Lương (5/7), Châu Thành (5/9), U Minh Thượng (4/6), Rạch Giá (1/1), Kiên Hải (2/4), Hà Tiên (2/2), (Phú Quốc đến tháng 01 năm 2021: 04/07 xã đạt).

2.2. Về huyện nông thôn mới

Ngoài huyện Tân Hiệp được công nhận huyện đạt chuẩn, đối với 02 huyện Giồng Riềng và Gò Quao đã hoàn tất hồ sơ báo cáo Hội đồng thẩm định Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ công nhận 02 huyện Giồng Riềng và Gò Quao đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Như vậy, trong năm 2020, Kiên Giang cơ bản đạt các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới theo chỉ tiêu Trung ương giao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Một số kết quả đạt được

Được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ, ngành Trung ương, sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự tham gia phối hợp tích cực của các sở, ngành tỉnh, địa phương và sự chung tay góp sức của người dân, tiêu chí nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng, lũy kế đến cuối năm 2020 các xã đều đạt từ 10 tiêu chí trở lên, cơ bản các tiêu chí đều đạt so với kế hoạch của tỉnh, cao hơn so với mức hoàn thành của cả nước.

- Công tác tuyên truyền, vận động đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể các cấp phát động bằng nhiều phong trào thiết thực, phong trào thi đua đã phát huy được hiệu quả. Nhiều địa phương đã quyết tâm nỗ lực trong phấn đấu đạt chuẩn xã/huyện nông thôn mới.

- Xây dựng nông thôn mới góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn trên địa bàn tỉnh, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - kinh tế xã hội, nhất là hệ thống điện, đường, trường, trạm, cơ sở vật chất văn hóa, công trình thủy lợi... ngày càng được đầu tư cơ bản, đồng bộ và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội,

phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, cùng với những chính sách về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, ưu đãi cho phát triển kinh tế tập thể,... góp phần nâng cao hiệu quả phát triển sản xuất, nâng cao giá trị lao động cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, cụ thể:

+ Hệ thống giao thông nông thôn, năm 2020 giao thông nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển, khối lượng xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn 388/382 km, đạt 101,57% kế hoạch năm, nâng tổng số km đường giao thông nông thôn trên địa bàn được cứng hóa là 6.365/7.084 km, đạt 89,85 % (chỉ tiêu đạt 89,76%), góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ nông sản.

+ Điện nông thôn, năm 2020 cải tạo và xây dựng mới đường dây trung thế 180,8 km, cải tạo và xây dựng mới đường dây hạ thế 340,4 km, tổng dung lượng trạm biến áp cải tạo và xây dựng mới 22.272,5kVA, tổng vốn đầu tư là 47,73 tỷ đồng.

+ Hệ thống thủy lợi tiếp tục được quan tâm, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và sinh hoạt của dân cư, tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về thủy lợi và nước sạch nông thôn; vận hành đóng, mở các công tuyến đê biển Hòn Đất - Kiên Lương, địa bàn Giang Thành, Rạch Giá và ven sông Cái Bé thuộc huyện Châu Thành (55 cống), vùng U Minh Thượng (17 cống), dự án thủy lợi Ô Môn - Xà No (35 cống).

+ Hệ thống giáo dục - đào tạo tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, hệ thống trường, lớp học, trang thiết bị được đầu tư; phương pháp dạy học, kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục được đổi mới; chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo các cấp. Năm học 2019-2020, toàn ngành có 667 đơn vị, trường học, trong đó có 286 trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Về lĩnh vực Y tế, chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân từng bước được cải thiện; tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng khám và chữa bệnh, duy trì các kỹ thuật y tế chất lượng cao và tăng cường chuyển giao công nghệ cho tuyến dưới. Tăng cường công tác y tế dự phòng; chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát, phòng chống dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế. Năm 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 5,18%, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,02%, toàn tỉnh có 117/117 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (đạt 100%).

+ Thực hiện các chính sách xã hội, lao động và việc làm; công tác chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới. Tiếp tục thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, giảm thất nghiệp; trong năm đã giải quyết việc làm cho 35.570 lượt lao động, đạt 101,63% kế hoạch; đào tạo nghề cho 25.550 lao động, đạt 102,2% kế hoạch, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 67%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%. Quan tâm ban hành các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện tốt cho người lao động đi lao động ở nước ngoài, nhằm nâng cao trình độ, thu nhập ổn định và

giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời; quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tiếp tục được triển khai thực hiện. Tỷ lệ hộ nghèo dự kiến giảm 1% cuối năm 2020 (từ 2,69% năm 2019 giảm còn 1,69%), đạt 100% kế hoạch.

+ Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tổng số trạm cấp nước, hồ nước đang quản lý là 52 (trong đó có 50 trạm cấp nước và 02 hồ nước); tổng số đồng hồ đang quản lý là 60.922 cái, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 97,99% (đạt 100% kế hoạch) trong đó nước sạch ước đạt 61,45%.

+ Tiếp tục chỉ đạo xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường, quan tâm tăng cường triển khai hướng dẫn và thẩm định tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn, hỗ trợ các câu lạc bộ về bảo vệ môi trường, triển khai các hoạt động tuyên truyền; thu gom, xử lý rác thải và xử lý nước giếng khoan.

+ Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

Sản xuất nông nghiệp phát triển gắn với nhiều thành quả đạt được từ thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, công tác ứng dụng, chuyển giao giống mới, kỹ thuật canh tác, quy trình sản xuất thích ứng hơn với biến đổi khí hậu được đẩy mạnh; các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, được tăng cường áp dụng. Hình thành nhiều cánh đồng lớn trên lúa, vùng nuôi tôm tập trung với quy mô lớn theo phương pháp thâm canh và từng bước bền vững về môi trường sinh thái. Phát triển hình thức nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh, công nghiệp, nuôi cá lồng bè, nuôi tôm công nghiệp - bán công nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên và tôm - lúa vùng U Minh Thượng. Từng bước ứng dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt theo tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia trong nuôi tôm như: Viet-GAP, Global GAP... cây tiêu ổn định sản xuất ở huyện Gò Quao, Giồng Riềng; cây khóm ổn định sản xuất ở Châu Thành, Gò Quao và Vĩnh Thuận. Năm 2020, toàn tỉnh gieo trồng lúa đạt 725.863 ha, diện tích lúa chất lượng cao chiếm khoảng 80% diện tích gieo trồng; Tổng số cánh lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn toàn tỉnh đạt 100 cánh đồng, với 30.672 ha.

Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm, trong năm đã thành lập mới 35 Hợp tác xã, đến nay toàn tỉnh có 431 Hợp tác xã (343 HTX trồng trọt, 86 HTX thủy sản, 02 HTX chăn nuôi).

Từ đầu tư kết cấu hạ tầng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển các mô hình sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thực hiện Chương trình vẫn còn một số tồn tại khó khăn như: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

với nhiều tiêu chí được bổ sung nội dung, điều chỉnh nâng cao, đòi hỏi mức độ hoàn thành phải cao hơn. Đây là nhu cầu khách quan phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với nhiều địa phương, đặc biệt trong thực hiện các tiêu chí: Hộ nghèo, Tổ chức sản xuất, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm,...

Kết quả giữa các huyện trong tỉnh có sự chênh lệch khá lớn về số xã đạt chuẩn, số tiêu chí hoàn thành.

Việc xã hội hóa nguồn lực xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương còn khó khăn do thu nhập người dân nông thôn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, vốn huy động từ các doanh nghiệp hạn chế, đặc biệt khó khăn ở các huyện vùng sâu.

Mặc dù hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhất là về giao thông và cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư xây dựng nhưng trong quản lý và khai thác sử dụng còn nhiều bất cập, một số công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã xuống cấp.

Về sản xuất còn hạn chế, khó khăn, nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh nhưng phát triển theo hướng quy mô lớn còn ít, chủ yếu nhỏ lẻ, manh mún, vẫn phụ thuộc nhiều vào yếu tố tự nhiên, mùa vụ và giá cả thị trường. Chuyển dịch cơ cấu và đổi mới tổ chức sản xuất đã có nhiều tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn chậm, sản xuất nhỏ, phân tán chưa được khắc phục triệt để. Liên kết, hợp tác sản xuất giữa các chủ thể để hình thành các chuỗi giá trị chưa nhiều. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ cao, chế biến, bảo quản còn hạn chế, chưa tạo được “đột phá” để nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh. Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu bền vững, chưa đủ đáp ứng được sức sản xuất lớn và đang gia tăng của nền nông nghiệp hàng hóa. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã còn hạn chế.

Vấn đề vệ sinh môi trường bước đầu được quan tâm tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc, việc bố trí phương tiện thu gom chưa nhiều nên các khu vực nông thôn phần lớn là do các hộ gia đình tự thu gom và xử lý bằng phương pháp đốt hoặc chôn lấp tại gia đình. Do đó, vẫn còn tình trạng người dân khu vực nông thôn vứt rác bừa bãi vào môi trường công cộng, ô nhiễm môi trường vẫn còn nghiêm trọng, trong đó có ô nhiễm nguồn nước ở các sông, tuyến kênh, rạch; chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nông sản đã có tiến bộ nhưng chuyển biến chưa thực sự rõ nét, vẫn đang là vấn đề được xã hội quan tâm, cảnh quan môi trường phần lớn chưa thực sự gọn gàng, sạch đẹp. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn còn thấp (ước đạt 61,45%...).

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. MỤC TIÊU NĂM 2021

- Phân đầu xây dựng 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 03 huyện, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (huyện Vĩnh

Thuận, Kiên Lương và thành phố Hà Tiên), mỗi huyện phần đầu có từ 01 xã đạt nông thôn mới nâng cao hoặc kiểu mẫu.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về: Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 62%; giải quyết việc làm cho 35.000 lượt lao động trở lên; giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết của tỉnh đề ra; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên 90%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng các xã, huyện đã đạt chuẩn. Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai xã đạt chuẩn mới, nâng cao.

II. NHIỆM VỤ - GIẢI PHÁP

1. Các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn. Thường xuyên phổ biến các mô hình, các điển hình tiên tiến để nhân rộng.

2. UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, thực hiện các chỉ tiêu còn lại của giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 đưa vào Nghị quyết Đại hội Đảng nhiệm kỳ tới phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2021 phù hợp với điều kiện thực tế. Cần tập trung hoàn thành các nội dung, tiêu chí theo kế hoạch, trong đó, chú trọng phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, chú trọng khai thác được lợi thế địa phương, đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị.

3. Phải đặc biệt chú trọng, nhất là trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp cho người dân nông thôn, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, các chuỗi liên kết sản xuất, công tác bảo vệ môi trường (nhất là xử lý chất thải rắn, nước thải, cây xanh, cảnh quan môi trường...).

4. Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực: Thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn. Huy động tối đa nguồn lực của địa phương để tổ chức triển khai Chương trình.

5. Tiếp tục giữ vững và củng cố hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp/Ban Quản lý theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao năng lực trong công tác tham mưu, nâng cao hiệu quả, chất lượng.

6. Các sở, ngành hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra theo dõi việc thực hiện nội dung, tiêu chí thuộc ngành, đơn vị phụ trách; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở cùng địa phương hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

7. Tăng cường công tác giám sát, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình; tiếp tục phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, kế hoạch năm 2021 của tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- VP Điều phối NTM TW;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- LĐVP, P. KT, P. TH ;
- Lưu: VT, cvquoc.

KT. **CHỦ TỊCH**

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân

KIÊN GIANG

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp 19 tiêu chí xã nông thôn mới năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số 27 /BC-UBND ngày 29 /01/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Stt	Địa phương/Chi tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT & TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATP	HTCT & TCPL	QP & AN		
I	TP Rạch Giá (1)																					
1	Xã Phi Thông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
II	TP Hà Tiên (3)																					
2	Xã Tiên Hải	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
3	Xã Thuận Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
III	Huyện Giang Thành (5)																					
4	Xã Vĩnh Điều	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X	16	
5	Xã Vĩnh Phú	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		16	
6	Xã Tân Khánh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
7	Xã Phú Lợi	X	X	X	X	X		X	X				X	X	X	X	X			X	13	
8	Xã Phú Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
IV	Huyện Kiên Lương (7)																					
9	Xã Kiên Bình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		18	
10	Xã Hòa Điền	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
11	Xã Bình Trị	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		18	
12	Xã Bình An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
13	Xã Dương Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
14	Xã Hòn Nghệ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
15	Xã Sơn Hải	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
V	Huyện Hòn Đất (12)																					
16	Xã Mỹ Lâm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
17	Xã Sơn Kiên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
18	Xã Thổ Sơn	X	X	X	X			X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	14	
19	Xã Bình Sơn	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X		X		X		14	
20	Xã Bình Giang	X	X	X		X		X		X	X		X	X	X	X	X				12	
21	Xã Mỹ Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
22	Xã Nam Thái Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị Đ



[illegible]

[illegible]

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT & TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & ATTP	HTCT & TCPL	QP & AN		
77	Xã Định An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
78	Xã Định Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
79	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
80	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
81	Xã Thủy Liễu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
82	Xã Thới Quản	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
83	Xã Vĩnh Phước A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
84	Xã Vĩnh Phước B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
85	Xã Vĩnh Thắng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
86	Xã Vĩnh Tuy	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XII	Huyện U Minh Thượng (6)																					
87	Xã Thạnh Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
88	Xã Vĩnh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
89	Xã Thạnh Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
90	Xã Hòa Chánh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
91	Xã Minh Thuận	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	15	
92	Xã An Minh Bắc	X	X	X	X		X	X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	15	
XIII	Huyện An Minh (10)																					
93	Xã Đông Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	18	
94	Xã Vân Khánh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
95	Xã Vân Khánh Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị TĐ
96	Xã Đông Hưng A	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	16	
97	Xã Thuận Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị TĐ
98	Xã Tân Thạnh	X		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	16	
99	Xã Vân Khánh Tây	X		X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X			X	14	
100	Xã Đông Hưng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
101	Xã Đông Hưng B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
102	Xã Đông Thạnh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XIV	Huyện Vĩnh Thuận (7)																					
103	Xã Vĩnh Bình Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
104	Xã Vĩnh Phong	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận



Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	CSHT TMNT	TT & TT	Nhà ở DC	TN	HN	LĐ có VL	TC SX	GD & ĐT	YT	VH	MT & AТП	HTCT & TCPL	QP & AN		
105	Xã Vĩnh Bình Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
106	Xã Tân Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
107	Xã Vĩnh Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
108	Xã Bình Minh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
109	Xã Phong Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XV	Huyện An Biên (8)																					
110	Xã Đông Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
111	Xã Tây Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
112	Xã Hưng Yên	X		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	16	
113	Xã Tây Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	18	
114	Xã Đông Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị TĐ
115	Xã Nam Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
116	Xã Nam Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị TĐ
117	Xã Nam Thái A	X		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		16	

KIỂM GIẤNG